

Số: 1740/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 23 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 2 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc Tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND thành phố Lai Châu Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung lần 2 dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 622/TTr-TNMT ngày 22/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Trần Văn Kèn – Cư trú tại: Bản Căng Đăng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 49.225.149 đồng.

(Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi chín đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thành.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Trần Văn Kèn có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2 – Bộ GTVT;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Văn Xiêng



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (Bổ sung lần 2)

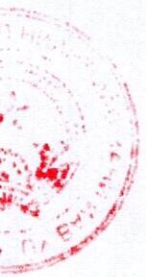
Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc

(Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)

Kèm theo Quyết định số: 440/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Trần Văn Kèn (Hiện trạng bà Nguyễn Thị Nhậm đang sử dụng)				
	Địa chỉ: Bản Căng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				49.225.149
a	Về đất				2.978.500
1	Diện tích thu hồi	m ²	80,5		
2	Loại đất				
	Đất trồng lúa 1 vụ	m ²	80,5	37.000	2.978.500
	Vị trí (VT1)				
	<p>Nguồn gốc: Nguồn gốc sử dụng đất: Do ông Trần Văn Kèn khai hoang sử dụng trước năm 1993 (Không có giấy tờ).</p> <p>- Thừa đất số 429, 397; tờ BĐ số 134 trên BĐ địa chính mang tên ông Trần Văn Lữ (con trai ông Trần Văn Kèn). Nguồn gốc sử dụng đất: Do ông Trần Văn Kèn khai hoang sử dụng trước năm 1993 (Không có giấy tờ). Hiện do bà Nguyễn Thị Nhậm đang sử dụng.</p> <p>- Phần diện tích đất 3.2 m2 đang chồng lấn lên thửa đất số 396, tờ BĐ số 134 trên BĐ địa chính đang quy đất UBND xã. Hiện trạng ông Trần Văn Kèn đang sử dụng có nguồn gốc đất: Do ông Trần Văn Kèn khai hoang sử dụng trước năm 1993 (Không có giấy tờ) sử dụng vào mục đích đất trồng lúa, nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Hiện bà Nguyễn Thị Nhậm đang quản lý sử dụng.</p> <p>Toàn bộ diện tích đất thu hồi gia đình sử dụng ổn định, không có tranh chấp.</p>				
b	Về tài sản vật kiến trúc				26.292.649
	<p><i>Toàn bộ tài sản trên đất của Trần Văn Kèn do bà Nguyễn Thị Nhậm tạo lập năm 2014 (bà Nhậm nhận chuyển nhượng QSD đất sau thời điểm ngày 1/1/2008, không có giấy tờ chuyển nhượng theo quy định pháp luật, không đủ điều kiện quy chủ, bồi thường). Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất; tài sản sử dụng ổn định, đúng mục đích sử dụng, không tranh chấp.)</i></p>				
	Phân tài sản nằm trên đất thu hồi				
1	Cổng cuốn Φ 100-300	m ²	36,0	144.100,0	5.187.600
2	Lưới B40 (70*1,6)	m ²	112,0	25.000	2.800.000
3	Công sắt (2,7*2)	m ²	5,4	825.000	4.455.000
4	Biển quảng cáo (khung sắt bạt dứa (1,5*2,5)	m ²	4	200.000	750.000
5	Cọc BTCT (0,15*0,15*1,6)*21 cọc	cọc	21,0	70.000	1.470.000
6	Trụ công (0,4*0,4*2,4)*2	m ³	0,8	546.700	419.866
7	Hàng rào sắt (4,1*0,88)	m ²	3,6	255.000	920.040
8	Tường xây gạch bi tường 12 cm (4,1*0,5)	m ²	2,1	127.600	261.580
9	Kè đá xây (4,1*0,5*1)	m ³	2,1	392.700	805.035
10	Nền BT đá dăm dày 10 cm (2,7*5)	m ²	13,5	83.600	1.128.600
11	Ống thép mã kẽm Φ 100 loại A1 (chân biển quảng cáo)	m	8,0	230.000	1.840.000
12	Ống nhựa PVC Φ 21 (hệ thống tưới nước tự động)	m	60,0	12.100	726.000
13	Ống nước HDPE Φ 40 dày 2mm	m	20,0	22.700	454.000
14	Ống nước HDPE Φ 90 dày 4,3 mm	m	36,0	104.900	3.776.400





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
15	Giàn thiên lý khung sắt tính bằng khung thép lưới B40 (3,4*3,1)	m ²	10,5	123.200	1.298.528
c	Về cây cối hoa màu				8.040.000
1	Cây xoài bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	2,0	360.000	720.000
2	Cây bơ bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	1,0	360.000	360.000
3	Cây Đào bán kính phát tán từ 1-2 m	Cây	1,0	360.000	360.000
4	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 2	Cây	100,0	66.000	6.600.000
d	Về chính sách hỗ trợ				11.914.000
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 4 lần giá đất trồng lúa 1 vụ	đồng/m ²	80,5	148.000	11.914.000



